

## BẢN LUẬN QUYỂN 96

Trên đây một bài tụng chung ở trước trong lựa chọn cõi của duyên khởi để thực, nêu sáu môn để nói về duyên khởi thực để xong.

Dưới đây, bài tụng thứ hai, có nửa bài tụng chung, nêu ba môn, nói riêng về lựa chọn giới:

1. Nghĩa chung v.v...
2. Ánh sáng v.v...
3. Nói về thọ v.v...

Dưới đây có bốn bài tụng riêng, giải thích nửa bài tụng đầu. Bài tụng riêng, giải thích về đẳng của nghĩa chung ban đầu, có bốn môn:

1. Nghĩa chung.
2. Tự loại riêng.
3. Dường như chuyển.
4. Ba mong cầu.

Trong Văn xuôi, trước giải thích nghĩa chung. Luận sư Cảnh nói: “Trong đây, hiện khởi mười tám giới và hạt giống của mười tám giới, đều gọi là trụ tự tánh.”

Luận sư Đạt nói: “Trụ giới tự tánh: Hoàn toàn y cứ vào hiện hành của vô ký và tùy miên mười tám giới. Tập giới tăng trưởng, nghĩa là tánh thiện ác”.

2. Giải thích tự loại riêng. Nhóm Đại ác Xoa. Tam Tạng Pháp sư nói: “Về tướng Ác-Xoa, như trong đây, không có ăn con mà quấy: 1- Có thể nhiễm. 2- Ép lấy dầu. Mỗi nhà đều có một nhóm nhiều nhóm.

Thứ ba, là giải thích dường như chuyển, như văn.

Thứ tư, trong giải thích về ba cầu mong. Trước, giải thích phạm hạnh:

Nói “Là hai môn nương tựa” 1- việc đã làm từ lâu, nhớ nghĩ không quên mất; 2- Thuyết đã nói từ lâu, nhớ nghĩ không quên mất.

Nói “Như thế, lại, nói là do sức tăng thượng của niềm tin, tu dần ba học”, nghĩa là kết giới vô minh mà trước đây đã nói.

“Đã tùy theo sáu xứ v.v...” trở xuống, là nói về giới có cầu là hạt giống.

Lại, giới vô minh v.v... trở xuống, là nói về muốn cầu. Kế là, có một tụng giải thích về “đẳng” trước của thứ hai ở trước, có bảy môn:

1. Giới ba, bảy nhiếp nhau.
2. Tướng kiến.
3. Ít có.

4. Tánh sai khác.
5. An lập.
6. Vắng lặng.
7. Người ngu.

Trong giải thích của Văn xuôi, trước là giải thích về giới ba, bảy nhiếp nhau. Trước chia ra ba giới, bảy giới.

Người phần nhiều giải thích: “Trong cõi Sắc cũng gồm cả cõi Dục. Xem văn không giống với nhiếp sắc.

“Phải biết rằng v.v... trở xuống, là thứ hai, nói về gồm thu nhau của sắc kia.

Lại, “Các sắc tham v.v... ” trở xuống, giải thích riêng hai cõi trước trong bảy cõi. Vì vấn nạn về kiến, nên nói “Do kiến, do thọ cho đến “Và giới thanh tịnh”. Luận sư Cảnh nói: “Ở địa cõi Sắc, do kiến khởi tham, do thọ khởi tham, gọi là đen tối. Vì đối trị với quán bất tịnh của địa cõi Sắc kia, nên lập giới ánh sáng. Vì bỏ hạnh bất tịnh, nên lập giới thanh tịnh, tức tịnh giải thoát.”

Luận sư Đạt nói: “Vì kiến, nên làm rõ giới ánh sáng, nghĩa là ba thiền trở lên. Vì thọ, nên làm sáng tỏ giới thanh tịnh, nghĩa là sắc v.v... của thiền thứ tư.

Lại, đối với bảy giới như thế trở xuống v.v..., là khuyên biết bảy giới, biết khắp của bảy giới, nên biết rõ, là môn đầu. “Về phương tiện đắc, cần phải biết rõ”, là môn thứ hai, tức phải biết rõ về phương tiện chứng đắc kia, là môn thứ hai, tức phương tiện đắc kia, cần phải biết rõ, là môn thứ ba. Đối với công việc đã làm, cần phải biết rõ, là môn thứ tư.

“Dựa vào bốn môn này v.v... trở xuống, là theo thứ lớp, giải thích môn đầu. Các giới như thế, đã có biết khắp do bốn nhân duyên cần phải biết rõ, nghĩa là có “sở trị” trái nhau, mà vì đối đãi với nhau, là một nhân. Duyên hẹp, nhỏ, vô lượng, mà vì chờ đợi nhau, là nhân thứ hai. “Có”, và “Chẳng phải có” là nhân thứ ba. Có tên, không có trên, mà đối đãi với nhau, là nhân thứ tư. Sự đen tối làm duyên đặt ra ánh sáng. Bất tịnh làm duyên, lập bày thanh tịnh, nghĩa là đối với các sắc khởi tham, gọi là đen tối. Giải thoát một, hai tu quán Bất tịnh, chữa trị tham sắc kia, lập giới ánh sáng, nghĩa là trong có sắc, ngoài có quán sắc. Trong không có sắc, ngoài quán sắc v.v... là xả Bất tịnh, lại quán sắc tịnh, để lập giới thanh tịnh, tức là tịnh giải thoát, nên nói Bất tịnh làm duyên để lập bày thanh tịnh. Cõi Sắc làm duyên lập bày hư không, nghĩa là đều là “sắc” quán “không”.

Như thế, gọi là vì có trái.

Đối đãi với “sở trị” kia, lập bày năng trị v.v... kết, do nhân đầu tiên, lập nên ba cõi trước. Kế là, nói rằng: “Do “duyên” cảnh hẹp, nhỏ, vì thức làm duyên, nên lập bày thức vô biên xứ”, nghĩa là vì nhân thứ hai, nên lập thức xứ. Kế là, nói rằng “Vì do sở hữu nhỏ làm duyên, nên lập bày Vô sở hữu xứ”, nghĩa là vì do nhân thứ ba, nên lập Vô sở hữu xứ. Kế là, nói rằng: “Do nhất thiết hữu tối thắng hiện tiền”, trở xuống, là nói do nhân duyên hữu thượng, vô thượng, nên đặt ra hai giới thứ sáu, thứ bảy. Hai giới này dựa vào môn đầu tiên để biết rõ khắp”.

Dưới đây, là giải thích thứ hai, biết rõ về phương tiện đắc. Lại, định hữu tướng, gọi là hữu hành cho đến “Đạt được định đệ nhất hữu”: là giới thứ sáu, vì không tư duy về tất cả tướng, vì chánh tư duy đối với vô tướng, nên Tát-ca-da diệt, tức Trạch diệt, sở duyên của vô tướng Tam muội, gọi là giới diệt. Vì do vô tướng, nên thuận theo đạt được định diệt, giới diệt. Văn này là nói giới diệt thứ bảy, gồm cả định diệt.

Hai thứ như thế không do vận hành tịnh, thuận theo đạt được : 1/ Trạch diệt; 2/ Định diệt. Không do giả tướng vận hành định, tức vì được trụ giải thoát, nghĩa là giải thoát hữu vi. Trụ giải thoát, nghĩa là giải thoát vô vi.

Dưới đây thứ ba, tức nên biết rõ về đắc kia, nghĩa là “các định như thế cho đến “gọi là thuận theo được các giới”.

Dưới đây, là nói thứ tư, phải biết rõ việc đã làm về đắc. Lại, các cõi này có thể tùy đạt được định của tám giải thoát. Phải biết rằng, cõi đầu tiên có thể tùy đạt được định đắc thứ nhất, thứ hai, nghĩa là cõi ánh sáng, gồm thu một giải thoát đầu. Cõi thứ hai kia có thể tùy đạt được đẳng thứ ba, nghĩa là cõi thanh tịnh thứ hai, gồm thu giải thoát tịnh. Ngoài ra năm giới, như thứ lớp của chúng, có thể đạt được của năm giải thoát. bốn cõi Vô Sắc kia, gồm thu giải thoát của bốn Vô Sắc. Giới diệt gồm thu giải thoát diệt tận”.

Thứ hai, là giải thích về tướng kiến, có ba lần “Lại nữa”: lần “Lại nữa” thứ nhất nói: “Hai thuyết giả, hành giả này, nghĩa là tức thuyết giả là một, hành giả là thứ hai. Trong hai lần “Lại nữa” thứ nhất, người độn căn chậm lụt, hoàn toàn tin vào tất cả kiến thú mà người khác nói. Thứ hai, chẳng phải người độn căn chậm lụt, chỉ tin tự cho tùy khắp kiến thú nào, không tin vào kiến thú mà người khác chấp. Thứ ba, người căn nhạy bén, tất cả đều không tin, trong đó có hai:

1. Nói về hành tà kiến.
2. Nói về hành chánh kiến.

“Lần lại nữa” thứ ba nêu rằng: “Lại nếu có chấp kiến cố về học xứ đã thọ kia cho đến “Vì có thể đốt cháy, hủy diệt”, nghĩa là chấp vững chắc thân người như túp nhà tranh, có một ít pháp lành. Như con sâu ở trong nhà. Tà kiến cố chấp như ngọn lửa thiêu rụi nhà và căn lành, tức Bồ-đặc-già-la này, cho đến lui mất công đức pháp lành.”

Tam Tạng Pháp sư giải thích: “Văn, Tư, Tu tuệ, được gọi là chấp bền chắc, có thể chữa trị ngọn lửa trước. người chấp ngọn lửa ở trước đã không có chấp vững chắc văn, tư, tu, là lui mất công đức. Trái với đây, phải biết rằng, xuất lý v.v... nghĩa là trái với người không có văn, tư, tu ở trước, phải biết xa lìa tà chấp, tức kiến không có tức giận, không có hại v.v...

Tam Tạng Pháp sư nói: “Nên nói là mâu thuẫn với ở đây, như pháp thích ứng kia, phải biết là xuất ly, vì sự không giận, hại đã ra khỏi pháp trái nhau trước.”

Trên đây, là ba đoạn giải thích về tướng của kiến xong. Dưới đây, thứ ba, giải thích Phật có hai điều ít có:

1. Làm sáng tỏ vô ngã.
2. Nghiệp thiện, ác cũng không thôi.

Có hai loại hữu tình: 1- Tại gia; 2- Xuất gia.

Hữu tình tại gia, vì cầu của báu, trước hết, khởi gia hạnh, gọi là phát khởi giới, nghĩa là cầu một ít của vật. Dưới đây, nói về cầu của báu lớn, tức các cõi này từ nơi chốn của mình, đến nơi chốn khác. Từ người chưa bị đuổi, khi chưa cách biệt gia đình. Người đã bị đuổi, lúc từ biệt vợ con, đều ở hai nơi: 1- Chỗ chưa được; 2- Chỗ đã được.

Hữu tình xuất gia, trước ưa xuất gia, vì một chút mong cầu. Sau, là đại tinh tấn v.v... gọi là cầu mong lớn.

Thứ tư, là giải thích về tánh khác nhau, như văn.

Thứ năm, là giải thích an lập. Do bốn nhân duyên, lập ba thứ, ba cõi, hai cõi xuất ly, bốn nhân:

1. Ngoài không xuất ly, xuất ly v.v...
2. Ba thứ Ba cõi v.v...:
  - a. Ba cõi Dục v.v...
  - b. Cõi Sắc, Vô Sắc diệt.
  - c. Cõi đoạn diệt không có dục.

Hai cõi xuất ly: Năm thứ, sáu thứ. Dục tham trong đây làm duyên, lập ra cõi Dục. Là cõi này, lập tính lự đầu tiên của cõi Sắc. Vì nghĩa xuất ly của tầm hỷ, lạc, nên lập ba tính lự trên, nghĩa là văn ít đầy đủ, nên nói là do lìa tầm tử, lập hai thiền. Vì lìa hỷ nên lập ba thiền. Vì lìa

lạc nên lập thiên thứ tư. Do tướng xuất ly các thứ tánh của sắc hữu đối, lập không xứ: tướng sắc và tướng xanh, vàng v.v... Tướng hữu đối là tướng dài, ngắn v.v... Kết hợp với hai tướng trước, làm tướng của các thứ tánh, không đồng với thuyết của Tiểu thừa: Do sắc nghĩa là Nhân thức tương ứng với tướng. Hữu đối: tướng tương ứng với bốn thức. Mỗi thứ tánh: tâm số tướng tương ứng với ý thức. Do nghĩa xuất ly của vô sở hữu của không thức, nên lập ba thứ trên là bậc nhất. Ngoài không xuất ly, mà là vì nghĩa xuất ly, nên lập ba cõi Dục như cõi Dục v.v...

Lại, “cõi Sắc trở xuống v.v..., là nói do nhân thứ hai lại lập ba cõi.

Lại, “Trong cõi Sắc, chẳng phải là rốt ráo”, trở xuống, là nói do nhân thứ ba lại lập ba cõi không có tầng thượng mạn, nghĩa là dưới đây nói do nhân thứ tư lập hai cõi xuất ly, chỉ cho như quyển mười một giải thích.

Thứ sáu, là giải thích về sự vắng lặng, như văn.

Thứ bảy, là giải thích người ngu. Trước, nói về tướng mạo ngu, trí, sau tùy nghĩa phân biệt. Trong phần trước, trước nói về tướng người ngu. Sau, chỉ rõ chung sự thông minh.

Trong phần trước: 1/ Nêu, hai thứ; 2/ giải thích hai thứ.

Người khác dù chánh hạnh, cũng khiến cho khổ, nghĩa là do thực hành tà hạnh, tổn hại vợ con người và tài vật của người. Người khác dù thực hành chánh hạnh cũng sinh ra khổ cho người.

Lại, “Do Vô Sắc trở xuống v.v..., tùy nghĩa phân biệt chỉ nói về bốn chỗ của tướng thứ hai. Trước là nói sáu mươi hai giới, kiến lập lý do, có mười ba phân biệt vượt hơn. Trường A-hàm nói, do Tầm, Từ của tướng nhiễm, lập ba cõi như cõi Dục, giận dữ v.v... Do tầm tịnh lập nên ba cõi không có dục, giận dữ v.v... Lại, vì nghĩa biến hành của hai phẩm nhiễm tịnh của ba cõi, nên có bốn cõi khác v.v.... Bốn uẩn chung cho ba cõi, có cả nhiễm, tịnh. Cõi Sắc thì không như thế.

Trong giải thích về giới có ba thứ: Nghĩa chung v.v... ánh sáng v.v... thọ v.v... Đã giải thích hai thứ trước. Kế là giải thích thứ ba. Thọ v.v... có hai bài tụng: Một bài tụng đầu có chín môn: 1- tự tánh; 2- Nhân duyên; 3- Kiến; 4- Nhiễm; 5- Thường chấp lấy cõi; 6- Chuyển sai khác; 7- Đạo lý; 8- Vắng lặng; 9- Quán sát.

Văn văn xuôi, đặt ra hai lần “Lại nữa” để giải thích.

Đầu tiên, thuộc trường hợp với bản tụng, nêu chín môn; 2- Theo thứ lớp giải thích:

1. Tự tánh tức là ba thọ.

2. Nhân duyên tức xúc khổ, xúc lạc, xúc bất khổ, bất lạc.

3. “Lại, các niềm vui v.v... trở xuống, là giải thích về lỗi lầm của khổ thọ.

Đối với hai, lại nối tiếp, vì năng thuận theo. Luận sư Cảnh nói: “Vì xả không lia khổ khổ, khổ hoại và khổ hành”.

Luận sư Đạt nói: “Xả thọ này diệt thứ lớp, hoặc sinh khổ thọ hoặc sinh lạc thọ, vì có thể thuận sinh hai thọ khổ, lạc, nên nói đối với hai, lại nối tiếp.

4. “Hữu tham từ trong tùy miên lạc thọ, trở xuống là giải thích nhiệm.

Hỏi: “Đối với lạc thọ v.v... đã có phần vị của các thọ hiện ở trước, tất cả phiền não chưa dứt, là hai thọ khởi, đều bị tất cả tùy miên phiền não ràng buộc. Vậy, vì sao chỉ nói tùy miên tham lạc thọ, tùy miên sân v.v... khổ thọ, nên luận vì giải thích vấn nạn đã có tất cả các thọ về lạc v.v... cho đến “Vì muốn dứt hẳn các tùy miên, tu thành thực phạm hạnh, chẳng phải chỉ vì trừ bỏ nhân duyên của các triền”, nghĩa là vì dứt trừ tất cả tùy miên, nên tu phạm hạnh, chứ phải chỉ dứt triền hiện khởi kia.

5. Từ “Bổ-đặc-già-la không có năng lực tư duy lựa chọn v.v... trở xuống, là giải thích về Sắc thủ thú.

6. Lại, “Chỗ nương tựa của tự tánh các thọ kia” v.v... trở xuống, là giải thích về sự khác nhau của chuyển.

7. Lại, “Các khổ thọ, tất cả chúng sinh v.v...” trở xuống, là giải thích về đạo lý.

8. Lại, “Các thọ kia, nên biết lược có ba thứ vắng lặng v.v...” trở xuống, giải thích về vắng lặng.

Ưu ngôn luận, nghĩa là thứ hai, giải thích lại sự vắng lặng. Luận sư Cảnh nói: “Văn này chứng minh rõ ràng rằng, khi ở định có Tâm tế.

Tam Tạng Pháp sư thường nói: “Ở phương tiện có tâm, từ, còn nhập định thì không có, nên ở định có, chỉ là phương tiện, không ở căn bản”.

Nay, văn này nói trong định có Tâm, Từ tế, không nói căn bản và với phương tiện. Về đạo, thông qua được có, về lý cũng không có gì ngăn ngại”.

Luận sư Đạt nói: “Tam Tạng Pháp sư giải thích văn này đã y cứ ở định phương tiện để luận, còn tâm từ mà tôi nói là cứ theo định căn bản”.

9. “Lại, do hành v.v... trở xuống, là giải thích về quán sát. Nhân

thọ thứ hai trong quán bảy tướng của thọ trong các thọ. Trong giải thích, chia làm ba thứ: Nhân duyên Lưu chuyển, Hoàn diệt ở hiện tại, đương lai, quán riêng lưu chuyển làm một, Hoàn diệt làm một, nên thành bảy tướng.

Trong bài tụng thứ hai có bảy môn:

1. Thọ sinh khởi.
2. Kém hơn bằng nhau.
3. Sự khác nhau giữa các thọ.
4. Kiến v.v... là hơn hết.
5. Biết khác nhau.
6. Hỏi.
7. Ghi nhận.

Trong Văn xuôi, trước là giải thích về sự sinh khởi của thọ. Trước chia chương, lập tông. Sau, gạn hỏi, giải thích riêng, trong đó có hai: Trước nói chung hữu tình. Sau, y cứ văn, nói rộng về sự sinh khởi của các thọ.

Văn được chia làm hai: Đầu tiên, là y cứ ở tại gia, xuất gia để nói về các thọ sinh khởi. Sau, là dựa vào pháp nội, ngoại đạo để nói.

Trong phần trước, trước là y cứ ở hai chúng để nói về hai duyên sinh thọ, sau, nói riêng hai chúng:

1/ Nói về tại gia: Nói “Lại, do hiện hành của xúc, dục nhiễm ô trước hết, nhận lãnh duyên đó đã sinh các thọ”, nghĩa là kể là ba môn trước: 1- Dục; 2- Tâm; 3- Xúc. Trong ba nghĩa sau: 1. năng lực đắm nhiễm: tức sinh ra phá kia; 2. năng lực tác ý, tức sinh tâm kia; 3. Sức cảnh giới, tức sinh xúc kia. Đắm nhiễm không bỏ, nối tiếp nhau trong thời gian dài không được vắng lặng. Đây là sự khác nhau của môn nghĩa thứ bảy.

“Lại, dục v.v... kia v.v... trở xuống, vì hiện hành của ba duyên, nên phẩm phiền não kia còn ở hành giả, thân chưa dứt trừ hẳn. Đây là sự khác nhau của môn nghĩa thứ hai”.

2/ Nói về xuất gia, nếu các người xuất gia chưa lìa tham, vốn vì bỏ dục xuất gia, nên thọ dục thuộc về năng lực chấp mắc nhiễm, mà được vắng lặng. Thọ tâm, xúc thuộc về sức cảnh giới của tác ý chưa vắng lặng. Do nhân duyên này, đối với xứ xúc kia, chưa tu đối trị tâm, chưa thực hành lìa dục, tác ý phi lý về cảnh đã từng thọ. Hiện hành tâm đối với cảnh mâu nhiệm thù thắng, có xúc hiện hành. Nếu nhận thấy tai họa lỗi lầm ở tâm, tư, nhàm chán dục như trước nói đã được vắng lặng. Do nhân duyên này, tâm cung se được vắng lặng, tức Sơ thiền lìa dục, chỉ

cảm xúc chưa vắng lặng, vì nếu gặp cảnh mâu nhiệm, thì xúc nhiễm sẽ nảy sinh ngay! Nhị thiên trở lên chưa lia đục. Nếu người nào đã lia tham đối với các đục, thì tất cả vắng lặng. Sự khác nhau của một môn là Nhị thiên trở lên đã lia đục.

“Lại có một loại v.v... trở xuống, văn, nghĩa là có loại người chưa lia tham, do đối với các đục, sinh tham chưa dứt trừ. Xúc nhiễm của các Tâm vì chưa dứt hẳn, nên đều chưa vắng lặng. Nếu đối với các đục, tham đục đã dứt trừ, thì sẽ chứng được định Sơ thiên, đục đã vắng lặng, tĩnh lự vẫn chưa vắng lặng.

“Ở Sơ địa đã lia tham cho đến “Phi tướng chưa lia tham. Cả hai đã vắng lặng, xúc chưa vắng lặng, vượt qua hữu đẳng, tất cả vắng lặng, là gọi là sự khác nhau của môn thứ hai.

Trong môn trước nói vì nhằm chán đục, xuất gia, nên đối với pháp đắm nhiễm, sinh đục rồi, được vắng lặng, hai pháp khác chưa vắng lặng. Nay môn sau nói “Lại có một loại chưa lia đục tham ở trong các đục” ấy là vì chưa dứt trừ các đục, nên tất cả chưa vắng lặng.

“Đã lia đục tham, được sơ tĩnh lự xong”. “Đã lia” tức đồng với trước.

Dưới đây, sẽ y cứ ở pháp nội, ngoại đạo, để nói về các thọ sinh khởi. Trước nói về ngoại đạo, sau, nói về pháp nội.

“Lại trụ trong pháp nội cho đến “Chưa vắng lặng kia làm duyên sinh thọ”, nghĩa là bốn hướng, gọi là hướng đạo, cũng có thể bảy người cùng hướng đến Vô học, đều gọi là hướng đạo.

Thứ hai, giải thích về môn kém v.v... dứt trừ năm pháp, tu năm pháp, chỉ định như Tam-ma-hý-đa địa. Luận sư Đạt nói “Dứt được năm pháp, là pháp đục ác, bất thiện v.v... Tu được năm pháp, nghĩa là năm chi tong Sơ thiên”. Nay, xét quyển mười một nói: “Nói ly sinh hỷ lạc trong sơ tĩnh lự, do chứng trụ địa này, dứt trừ năm pháp, nghĩa là đục hiện hành, hỷ đục dẫn sinh ưu. Bất thiện dẫn sinh hỷ, bất thiện dẫn sinh hỷ bất thiện đã dẫn sinh ưu.

Lại đối với năm pháp, tu tập viên mãn, nghĩa là hoan hỷ, yên vui và Tam-ma-địa.

Lại, phẩm vượt hơn trong hỷ, lạc, xả kém, nghĩa là hỷ ở cõi Dục là kém, Sơ thiên là trung bình, Nhị thiên là vượt hơn. Nhị thiên là trung bình, Tam thiên là vượt hơn. Xả ở Nhị thiên trở xuống là kém, Tam thiên là trung bình, đệ Tứ thiên là vượt hơn.

Thứ ba, là giải thích tướng khác nhau của các thọ:

Nói “có! Không! Khai, giác, cho đến khổ, vui không có tánh, đã



hiển bày”, nghĩa là y cứ không có khổ, gọi là không khổ, vui, chứ chẳng phải cho rằng, có không khổ vui riêng. “Cho nên”, Đức Thế tôn cho đến dù cho là “có”, là người ngoài dẫn kinh làm chứng, tức dựa vào sự vắng lặng của khổ, vui, cho là xả thọ. Dưới đây sẽ giải thích:

“Đức Thế tôn vì muốn chỉ bày cho họ được hiểu rõ, cho đến nói rộng”. Văn này là nói xả thọ.

Từ trạng thái vắng lặng này, há nói khổ, vui, vắng lặng là khổ ư? Tuy nhiên Phật, Thế tôn y cứ ở nghĩa đệ nhất để nói có ba thứ vui vắng lặng.

Dưới đây, sẽ nói lia sự ràng buộc của tham, sân, si mà được thể vô vi. Lại. Lạc của thắng trụ tương tự với lạc.

Chín định thứ lớp, diệt định là hơn hết, gọi là Thắng trụ.

Thứ tư, giải thích về y chỉ hơn hết của kiến v.v... Tưởng lạc kiến văn của các loại sắc như thế là “có”, nghĩa là chia năm câu này. Dưới đây sẽ giải thích theo thứ lớp:

Thứ tư, hoặc ở cõi Trời “có”, hoặc ở cõi người “có”: Tức là một thân qua, lại mà được lậu tận.

Thứ năm, trong giải thích về cái biết khác nhau, trước là nói biết rõ việc nên biết. Sau, nói biết rõ về sự khác nhau của sự cảnh.

Trong phần trước, trước nói biết rõ về đế lý có tác dụng riêng. 2/ Dẫn bốn câu kinh phối hợp ới bốn tác dụng trước, tức có bốn câu. Dưới đây trong phần nói về hiểu rõ khác nhau của sự cảnh. Trước y cứ phẩm tạp nhiệm, để nói về cảnh khác nhau. Sau, y cứ vào phẩm thanh tịnh, để nói về cảnh khác nhau.

Trong phần trước nói bảy, là: hỷ, lạc, thức, sở hành, bờ mé và sai khác là bảy thức trụ.

Chín là: Hỷ, lạc, chấp, tàng, hữu tình, sinh, xứ, an trụ và bờ mé, là chín chỗ hữu tình ở.

Thứ sáu, là giải thích về thừa hỏi. Bốn thứ sau, nghĩa là tất cả đều vô thường v.v... là nói về hoàn toàn ghi nhận.

“Cố y tạo nghiệp v.v... trở xuống, là nói về phân biệt ghi nhận. Luận sư Cảnh giải thích: “Cố y (cố lo nghĩ) tạo nghiệp, sẽ thọ khổ. Đây chẳng phải hoàn toàn đạt được, nghĩa là nghiệp này chung cho thiện, ác, sao lại nói quyết định sẽ chịu khổ? Quyết định nhập Niết-bàn ở trong hiện pháp, cũng chẳng phải hoàn toàn, nghĩa là lia bỏ khổ, lạc, xả thọ, không quyết định hiện nhập Niết-bàn, vì chung cho Phạm, thánh đều được Xả.

Hai lần “Lại nữa” này, phải phân biệt ghi nhận.

Luận sư Đạt nói: “hoặc được ở xả, đây là nghiệp do cố tư tạo ra. Hoặc có nghĩa xả ở trong hiện pháp, quyết định nhập Niết-bàn cũng chẳng phải hoàn toàn. Nếu có người hỏi: “Tất cả Bạc thánh đều quyết định nhập Niết-bàn ở trong hiện pháp ư? Thì nay phân biệt đáp: “Chẳng phải hoàn toàn, vì không nhất định”, nay phán quyết: “nghiệp do cố tư tạo ra, sẽ phải chịu khổ? Đây chẳng phải là hoàn toàn, vì hoàn toàn đạt được ở xả v.v... cho đến “Cũng chẳng phải hoàn toàn”.

Giải thích thứ hai đồng với giải thích của Luận sư Cảnh.

Về hỏi vặn ngược lại để ghi nhận (gác qua một bên). Văn rõ ràng, rất dễ hiểu.

Thứ bảy, là giải thích về môn ký biệt, thọ ký.

Nói “Lại các Như lai khéo tránh biện luận v.v... của người khác.” Pháp sư Thái nói:

1. Ngoại đạo hỏi về thân ngã v.v... là pháp quyết định không nên ghi nhận. Tuy nhiên nếu họ không nhất định hỏi rằng “Thân ngã và thân là một, hay khác”, thì Như lai sẽ đáp bằng cách im lặng để tránh.

2. Về hỷ, lạc, pháp của nghĩa riêng với sắc v.v... là pháp quyết định nên phân biệt ghi nhận mà đặt câu hỏi là một, khác không nhất định hỏi. Lại, hỷ lạc với các nghĩa phiền não của bốn thủ, tạo riêng môn bất định, đức Như lai đều có thể tránh.

